



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 379/2024/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 18/03/2025 Trang/ Page: 1/4
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH TRUNG KIẾN	
2. Địa chỉ thử nghiệm: Place of testing:	PTN – Công ty CP Kiểm Định và Thí Nghiệm Điện Miền Nam	
3. Đối tượng thử nghiệm: Type of testing:	Tủ tụ bù hạ thế 420kVAr	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 Tủ	
5. Phương pháp thử nghiệm: Method of testing:	TN/QT-26; TCVN 8083-1:2009; IEC60358-1:2012; Tài liệu NSX/ Manufacturer's documentation.	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	17/03/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type:	Tủ tụ bù hạ thế 420kVAr
	Điện dung/ Capacitance:	12x(3x137.1)+6x(3x114) μ F
	Dung lượng tủ/ Capacitor capacity:	12x25 + 6x20 (kVAr)
	Điện áp/ Rated voltage:	440 (V)
	Kích thước/ Size:	(1.400x800x700)mm
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	2025
	Nhà sản xuất/ Manufacture:	Việt Nam
8. Phương tiện thử nghiệm: Testing equipment:	Kyoritsu 3125A (Thailand); HLY-200C; AC UTQ1; DTE-50/70; UT603; Fluke 287C.	
9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	(32 $\pm$ 2) $^{\circ}$ C ; (60 $\pm$ 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: Testing result:	Xem trang sau See next page	
11. Tem thử nghiệm: Testing stamp No:	206/25/ETSC	
12. Kết luận Conclusion	Các hạng mục thí nghiệm của 01 tủ tụ bù nêu trên hoạt động bình thường/ The above 01 capacitors test items are in normal operation	

Người Thực Hiện

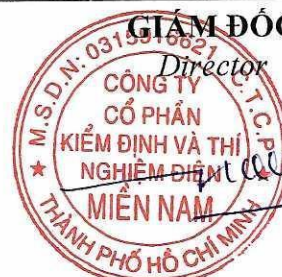
Executor

Trần Văn Minh

Trần Văn Minh

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Quốc Hoàn

Nguyễn Quốc Hoàn





CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM ĐIỆN Số/Ng: 379/2023/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 18/03/2025 Trang/ Page: 2/4
--	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1/Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả thử nghiệm/ Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually		Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện của tủ/ Insulation resistance measurement of cabinet:

Stt No	Đối tượng đo Items	Mức quy định Standard level (MΩ)	Kết quả Result (MΩ)	Đánh giá Evaluate
01	Phase A - (B+C+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
02	Phase B - (C+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass
03	Phase C - (B+A+N+Vỏ)	$\geq 2,0$	500	Đạt/ Pass

10.3 Thử nghiệm máy cắt điện hạ thế/ Check for MCCB:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ <i>Insulation resistance</i>		Điện trở tiếp xúc (μΩ) <i>Contact resistance</i>				U _{test/time}	Đóng cắt <i>Close-Open</i>	Đánh giá <i>Evaluate</i>
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
MCCB: LS ABN 103c, 3P, 690V, 125A									
01	> 200	> 200	84	86	87	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
02	> 200	> 200	85	88	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
03	> 200	> 200	81	84	82	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
04	> 200	> 200	79	82	80	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
05	> 200	> 200	83	85	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>
06	> 200	> 200	86	87	88	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ <i>Pass</i>

Số/ No: 379/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 18/03/2025 Trang/ Page: 3/4
--------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.4 Thử nghiệm Contactor/ Check for Contactor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ)/ Insulation resistance		Điện trở tiếp xúc (μΩ) Contact resistance				U _{test/time}	Đóng cắt Close-Open	Đánh giá Evaluate
	Close	Open	Phase A	Phase B	Phase C	Phase N			
Contactor: MC 65a - 3P, 220V, 65A, 50Hz									
01	> 200	> 200	80	79	82	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
02	> 200	> 200	78	75	79	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
03	> 200	> 200	76	77	79	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
04	> 200	> 200	80	78	84	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
05	> 200	> 200	84	85	83	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
06	> 200	> 200	86	84	97	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
Contactor: MC 40a - 3P, 220V, 40A, 50Hz									
07	> 200	> 200	95	96	93	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
08	> 200	> 200	94	95	96	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
09	> 200	> 200	96	94	97	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
10	> 200	> 200	98	97	99	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
11	> 200	> 200	103	100	101	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass
12	> 200	> 200	99	98	98	/	2,0kV/60s	5	Đạt/ Pass

10.5 Thử nghiệm Tụ/ Check for Capacitor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ) Insulation resistance	Điện dung (μF) Capacitance			Đánh giá Evaluate
		Phase AB	Phase BC	Phase CA	
Capacitor MKP440-D-25.0: 3P - 25kVAr, 440V, 50Hz					
01	> 200	139	140	140	Đạt/ Pass
02	> 200	140	141	141	Đạt/ Pass
03	> 200	140	139	140	Đạt/ Pass
04	> 200	139	139	139	Đạt/ Pass
05	> 200	141	140	140	Đạt/ Pass
06	> 200	140	140	139	Đạt/ Pass



Số/No: 379/2025/TN-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 18/03/2025

Trang/ Page: 4/4

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.5 Thử nghiệm Tự/ Check for Capacitor:

Stt No	Điện trở cách điện (MΩ) Insulation resistance	Điện dung (μF) Capacitance			Đánh giá Evaluate
		Phase AB	Phase BC	Phase CA	
Capacitor MKP440-D-25.0: 3P - 25kVAr, 440V, 50Hz					
07	> 200	139	140	140	Đạt/ Pass
08	> 200	140	142	141	Đạt/ Pass
09	> 200	140	139	140	Đạt/ Pass
10	> 200	141	142	141	Đạt/ Pass
11	> 200	140	140	139	Đạt/ Pass
12	> 200	140	140	141	Đạt/ Pass
Capacitor MKP440-D-20.8: 3P - 20kVAr, 440V, 50Hz					
13	> 200	140	141	141	Đạt/ Pass
14	> 200	142	141	141	Đạt/ Pass
15	> 200	141	140	141	Đạt/ Pass
16	> 200	140	141	139	Đạt/ Pass
17	> 200	141	140	140	Đạt/ Pass
18	> 200	140	139	140	Đạt/ Pass